

CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM

Số: 435 /SGD

V/v: giải trình chênh lệch 10% LNST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2017

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội


1. Tên Công ty: CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Địa chỉ trụ sở chính: 363 Hưng Phú - Phường 9 - Quận 8 – TPHCM
4. Điện thoại: 08.39540600 – 08.39540601 Fax: 08.39540598
5. Người được UQ CBTT: Phan Thị Nam Phương
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính quý II hợp nhất năm 2017 của CTCP Sách Giáo dục tại TPHCM được lập ngày 25/07/2017 bao gồm: BCĐKT, BC KQKD, BC LCTT, TM BCTC.
7. Nội dung giải trình:
 - 7.1 BCTC hợp nhất: Ngày 17/11/2016 Công ty CP Sách TBTH Vĩnh Long thành công ty con của Cty CP Sách Giáo dục tại TPHCM. Vì vậy số liệu BCTC hợp nhất quý 2/2017 không tương thích để so sánh.


Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT 



PHAN THỊ NAM PHƯƠNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH
Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý 2 năm 2017**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 35

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Quý 2 năm 2017

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2017	6 tháng đầu năm 2017 VND	Quý 2 năm 2016	6 tháng đầu năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	24	60,994,574,303	79,364,784,371	66,791,198,917	79,157,870,143
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	527,852,218	1,109,430,718	766,397,009	815,899,244
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		60,466,722,085	78,255,353,653	66,024,801,908	78,341,970,899
4. Giá vốn hàng bán	11	26	51,355,983,627	66,144,493,214	57,327,835,363	66,821,621,099
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		9,110,738,458	12,110,860,439	8,696,966,545	11,520,349,800
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	563,470,518	798,945,377	261,417,607	399,881,302
7. Chi phí tài chính	22	28	414,699,759	426,304,105	(115,592,083)	(115,592,083)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		64,939,980	76,544,326		
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25	29.a	3,245,577,681	4,628,066,595	3,206,748,841	4,175,436,111
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	2,864,711,613	4,776,634,142	2,904,235,755	4,664,773,317
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,149,219,923	3,078,800,974	2,962,991,639	3,195,613,757
12. Thu nhập khác	31	30	32,125,683	76,283,219	10,734,705	10,736,082
13. Chi phí khác	32	31	132,916,100	184,191,875	36,236,696	54,293,872
14. Lợi nhuận khác	40		(100,790,417)	(107,908,656)	(25,501,991)	(43,557,790)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,048,429,506	2,970,892,318	2,937,489,648	3,152,055,967
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	359,465,161	439,982,808	443,891,962	532,526,007
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2,688,964,345	2,530,909,510	2,493,597,686	2,619,529,960
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		1,931,331,907	1,990,959,518	1,994,216,083	2,230,361,491
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		757,632,438	539,949,992	499,381,603	389,168,469
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	479	494	493	552
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	479	482	493	552



Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2017.

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		106,884,309,441	63,057,351,390
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	31,887,211,932	25,589,197,657
1. Tiền	111		3,307,211,932	5,179,197,657
2. Các khoản tương đương tiền	112		28,580,000,000	20,410,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6.a	3,319,868,506	2,200,628,186
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3,444,811,076	2,319,528,206
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(124,942,570)	(118,900,020)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41,790,114,351	17,066,321,433
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	31,346,360,873	15,091,304,713
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	10,076,607,609	3,505,640,139
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1,000,000,000	-
3. Các khoản phải thu khác	136	9.a	1,073,103,996	708,355,792
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1,720,200,591)	(2,238,979,211)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		14,242,464	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	29,609,881,673	17,822,254,192
1. Hàng tồn kho	141		31,999,006,511	20,573,923,801
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,389,124,838)	(2,751,669,609)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		277,232,979	378,949,922
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	70,576,926	62,043,631
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	206,656,053	316,906,291
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			17,493,106,809	29,845,468,955
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		13,623,722,860	13,985,814,068
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	7,148,115,998	7,499,319,704
- Nguyên giá	222		14,274,690,414	14,274,690,414
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7,126,574,416)	(6,775,370,710)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	6,475,606,862	6,486,494,364
- Nguyên giá	228		6,545,856,872	6,545,856,872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(70,250,010)	(59,362,508)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	-	10,206,043,398
- Nguyên giá	231		-	10,438,812,805
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(232,769,407)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		287,846,100	500,384,111
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	287,846,100	500,384,111
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2,000,000,000	2,840,000,000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	2,000,000,000	2,840,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,581,537,849	2,313,227,378
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	442,039,017	1,107,791,866
2. Lợi thế thương mại	269		1,139,498,832	1,205,435,512
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		124,377,416,250	92,902,820,345

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
C. Nợ phải trả	300		57,948,478,002	24,889,931,550
I. Nợ ngắn hạn	310		57,485,978,002	24,427,431,550
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	25,145,462,281	15,157,735,410
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	670,131,165	1,422,439,893
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	19	297,269,454	43,313,308
4. Phải trả người lao động	314		2,944,193,780	2,873,481,856
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2,238,032,031	4,643,903,729
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.a	20,421,120,319	474,486,026
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.a	6,045,000,000	90,000,000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(275,231,028)	(277,928,672)
II Nợ dài hạn	330		462,500,000	462,500,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	21.b	260,000,000	260,000,000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.b	202,500,000	202,500,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66,428,938,248	68,012,888,795
I. Vốn chủ sở hữu	410		66,428,938,248	68,012,888,795
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	41,370,000,000	41,370,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41,370,000,000	41,370,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	2,228,460,068	2,228,186,395
3. Cổ phiếu quỹ	415	23	(679,873,904)	(679,873,904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	5,094,509,195	5,088,022,015
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	6,592,916,483	8,249,419,972
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4,604,112,315	4,175,366,656
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,988,804,168	4,074,053,316
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		11,822,926,406	11,757,134,317
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		124,377,416,250	92,902,820,345



Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2017.

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2017

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2,970,892,318	3,152,055,967
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	428,027,888	401,178,754
- Các khoản dự phòng	03	(875,280,841)	455,096,952
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(729,268,083)	(399,881,302)
- Chi phí lãi vay	06	76,544,326	21,893,777
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	1,870,915,608	3,630,344,148
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(24,173,538,518)	(17,511,148,018)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11,425,082,710)	(8,959,105,347)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	26,954,698,239	32,637,668,515
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	869,757,565	(769,086,337)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(1,125,282,870)	(230,514,180)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(40,178,222)	(21,893,777)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(218,669,516)	(533,333,672)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	263,634,115	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(55,900,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7,023,746,309)	8,187,031,332
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(198,930,612)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	10,100,000,000	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	840,000,000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	847,426,747	422,466,024
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11,787,426,747	223,535,412
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	1,870,846,404
2. Tiền trả lại VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(441,000,000)	(85,000,000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	6,950,000,000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(995,000,000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3,979,666,163)	(4,311,410,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1,534,333,837	(2,525,563,596)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6,298,014,275	5,885,003,148
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	25,589,197,657	15,677,593,560
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	31,887,211,932	21,562,596,708



Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12 tháng 11 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2015 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có 1 công ty con: Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 51,12%

Tại ngày 17/11/2016 Công ty có thêm 1 công ty con: Công ty CP Sách TBTH Vĩnh Long

Địa chỉ: 23 Đường Lê Văn Tám, Phường 1, TP Vĩnh Long

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 53,27%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 39) nhằm đảm bảo tính nhất quán so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”) thay thế phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định của Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu hồi tố đối với các thay đổi này.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	4

4.8 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	3

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt	435,909,746	737,357,970
Tiền gửi ngân hàng	2,871,302,186	4,441,839,687
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng	28,580,000,000	20,410,000,000
Cộng	31,887,211,932	25,589,197,657

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	3,444,811,076	3,319,868,506	(124,942,570)	2,319,528,206	2,228,290,000	(118,900,020)
+ Công ty CP Sách GD TP Hà Nội (EBS)	1,805,534,680	1,688,863,920	(116,670,760)	1,805,534,680	1,694,200,000	(111,334,680)
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	309,706,470	304,200,000	(5,506,470)	289,420,020	306,600,000	-
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36,365,340	33,600,000	(2,765,340)	36,365,340	28,800,000	(7,565,340)
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	770,784,920	770,784,920	-	188,208,166	198,690,000	-
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	522,419,666	522,419,666	-			
Cộng	3,444,811,076	2,797,448,840	(124,942,570)	2,319,528,206	2,228,290,000	(118,900,020)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tình hình hoạt động	30/06/2017				01/01/2017				
		Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác					2,000,000,000	-			2,840,000,000	-
- Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng (i)	Đang hoạt động				-	-	5.30%	5.30%	840,000,000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - TBTH Việt Nam (i)	Đang hoạt động		2%		2,000,000,000			2%	2,000,000,000	-
Cộng					2,000,000,000	-			2,840,000,000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Đắk Lắk	1,443,689,714	802,887,460
Công ty TNHH SX-TM Thiết bị Vạn Lợi	1,240,000,000	1,280,000,000
Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học tỉnh Đắk Nông	36,028,244	1,113,142,622
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	543,065,867	1,335,785,442
Các đối tượng khác	28,083,577,048	10,559,489,189
Cộng	31,346,360,873	15,091,304,713

8. Trả cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	799,743,119	667,514,259
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	4,573,553,676	2,979,319,006
Trương Kim Oanh	867,000,000	841,000,000
Ngô Ngọc Nhị (Lâm Đồng)	694,125,000	694,125,000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội	749,543,055	451,537,227
Các đối tượng khác	17,461,497,431	9,524,239,918
Cộng	25,145,462,281	15,157,735,410

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	67,996,648	-
Tạm ứng	728,766,780	-	355,009,056	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	262,205,648	-	254,430,648	-
Phải thu khác	82,131,568	-	30,919,440	-
Cộng	1,073,103,996	-	708,355,792	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2017	01/01/2017
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 3 năm trở lên	1,119,172,962	1,772,141,479
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	77,898,600	66,556,000
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	384,000,000	-
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	139,129,029	400,281,732
Cộng	<u>1,720,200,591</u>	<u>2,238,979,211</u>

11. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	25,143,769	-
Nguyên liệu, vật liệu	144,943,166	-	453,719,267	-
Chi phí SX, KD dở dang	2,091,977,522	-	1,877,405,187	-
Thành phẩm	13,257,842,276	2,327,145,253	7,130,518,197	2,472,790,553
Hàng hóa	16,504,243,547	61,979,585	11,087,137,381	278,879,056
Cộng	<u>31,999,006,511</u>	<u>2,389,124,838</u>	<u>20,573,923,801</u>	<u>2,751,669,609</u>

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	36,637,546	31,779,091
Chi phí bảo hiểm	33,939,380	30,264,540
Cộng	<u>70,576,926</u>	<u>62,043,631</u>

b. Dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	442,039,017	44,998,142
Trợ cấp thôi việc	-	67,353,000
Chi phí tổ chức bàn thảo	-	995,440,724
Cộng	<u>442,039,017</u>	<u>1,107,791,866</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	10,873,291,886	90,782,720	3,033,101,520	119,809,800	157,704,488	14,274,690,414
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-	-
Đ/tư XD/CB h/thành	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	10,873,291,886	90,782,720	3,033,101,520	119,809,800	157,704,488	14,274,690,414
Khấu hao						
Số đầu năm	4,422,640,281	34,636,134	2,162,138,519	106,673,125	49,282,651	6,775,370,710
Khấu hao trong năm	199,854,865	9,526,396	103,472,720	18,636,666	19,713,059	351,203,706
Trình bày lại	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	4,622,495,146	44,162,530	2,265,611,239	125,309,791	68,995,710	7,126,574,416
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6,450,651,605	56,146,586	870,963,001	13,136,675	108,421,837	7,499,319,704
Số cuối năm	6,250,796,740	46,620,190	767,490,281	(5,499,991)	88,708,778	7,148,115,998

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	6,468,156,872	77,700,000	6,545,856,872
Tăng do hợp nhất	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	6,468,156,872	77,700,000	6,545,856,872
Khấu hao			
Số đầu năm	-	59,362,508	59,362,508
Tăng do hợp nhất	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	10,887,502	10,887,502
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	70,250,010	70,250,010
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6,468,156,872	18,337,492	6,486,494,364
Số cuối năm	6,468,156,872	7,449,990	6,475,606,862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
Dự án siêu thị sách (*)	287,846,100	287,846,100
Cửa hàng sách	-	212,538,011
Cộng	287,846,100	500,384,111

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Tăng do hợp nhất	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT	(109,335,895)	185,238,571	-	74,000,000	1,902,676
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(165,108,482)	439,982,808	-	218,669,516	56,204,810
Thuế TNCN	851,394	348,874,545	-	317,081,064	32,644,875
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	47,277,602	-	47,277,602	-
Các loại thuế khác	-	11,680,363	-	11,819,323	(138,960)
Cộng	(273,592,983)	1,033,053,889	-	668,847,505	90,613,401

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí bản thảo, biên tập	1,562,702,492	3,155,248,305
Chi phí hoa hồng môi giới	419,514,023	1,263,499,664
Chi phí phải trả về tiền chiết khấu bán hàng	121,212,760	150,050,760
Chi phí thuê mặt bằng	-	8,400,000.00
Tiền ăn giữa ca	-	6,705,000.00
Chi phí khác	134,602,756	60,000,000
Cộng	2,238,032,031	4,643,903,729

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	9,132,055	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	11,193,822	22,740,900
Cổ tức phải trả	3,699,750	2,203,500
Tài sản thừa chờ xử lý	32,521,276	27,729,126
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	78,000,000	78,000,000
Phải trả khác	20,286,573,416	343,812,500
Cộng	20,421,120,319	474,486,026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Các khoản vay

a. Vay ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	90,000,000	6,850,000,000	895,000,000	6,045,000,000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	90,000,000.00	6,850,000,000	895,000,000	6,045,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	-	-	-	-
Cộng	90,000,000	6,850,000,000	895,000,000	6,045,000,000

b. Vay dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	202,500,000	-	-	202,500,000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	202,500,000	-	-	202,500,000
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	202,500,000	-	-	202,500,000
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-			-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	202,500,000			202,500,000

20. Vốn chủ sở hữu

c. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	41,370,000,000	1,712,000,000	(2,035,282,090)	4,894,634,920	8,478,403,390
Điều chỉnh hợp nhất		734,109	-	7,480,039	12,116,767
Tăng trong kỳ	-	515,438,218	1,355,408,186	185,907,056	4,121,436,744
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	4,362,536,929
Số dư tại 31/12/2016	41,370,000,000	2,228,172,327	(679,873,904)	5,088,022,015	8,249,419,972
Số dư tại 01/01/2017	41,370,000,000	2,228,172,327	(679,873,904)	5,088,022,015	8,249,419,972
Điều chỉnh hợp nhất	-	287,741	-	(14,656,544)	13,817,617
Tăng trong kỳ	-	-	-	21,143,724	1,990,959,518
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	3,661,280,624
Số dư tại 30/06/2017	41,370,000,000	2,228,460,068	(679,873,904)	5,094,509,195	6,592,916,483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty TNHH MTV	6,320,000,000	6,320,000,000
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	34,110,000,000	34,110,000,000
Cổ đông khác	940,000,000	940,000,000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ (*)	-	-
Cộng	41,370,000,000	41,370,000,000

e. Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4,137,000	4,137,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4,137,000	4,137,000
- Cổ phiếu phổ thông	4,137,000	4,137,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94,000	94,000
- Cổ phiếu phổ thông	94,000	94,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4,043,000	3,855,600
- Cổ phiếu phổ thông	4,043,000	4,043,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND	4,043,000	4,043,000

f. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	8,249,419,972	8,478,403,390
Lợi nhuận sau thuế năm nay	1,990,959,518	4,121,436,744
Điều chỉnh do hợp nhất	13,817,617	12,116,767
Phân phối lợi nhuận năm trước	3,659,125,274	4,315,153,501
- Trích quỹ đầu tư phát triển	20,425,274	185,712,580
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	86,440,921
- Trả cổ tức cho các cổ đông	3,638,700,000	4,043,000,000
Phân phối lợi nhuận năm nay	2,155,350	47,383,428
- Trích quỹ đầu tư phát triển	718,450	194,476
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,436,900	47,188,952
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	6,592,916,483	8,249,419,972

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	38,978,066,591	42,622,964,903
Doanh thu bán hàng hóa	37,791,476,440	35,735,540,579
Doanh thu dịch vụ	631,818,183	686,181,818
Doanh thu khác	1,963,423,157	113,182,843
Cộng	79,364,784,371	79,157,870,143

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Hàng bán bị trả lại	1,787,550	36,240,886
Chiết khấu thương mại	1,107,643,168	779,658,358
Cộng	1,109,430,718	815,899,244

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	31,411,787,613	34,913,021,305
Giá vốn của hàng hóa	33,088,662,503	31,337,305,462
Giá vốn của dịch vụ	-	72,399,718
Giá vốn hoạt động khác	1,498,397,798	104,936,394
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	145,645,300	393,958,220
Cộng	66,144,493,214	66,821,621,099

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	457,509,068	196,401,302
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	341,436,309	203,480,000
Cộng	798,945,377	399,881,302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chiết khấu thanh toán	-	-
Trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	6,042,550	(137,485,860)
Chi phí lãi vay	76,544,326	21,893,777
Lỗ từ bán cổ phiếu	341,633,896	-
Chi phí tài chính khác	2,083,333	-
Cộng	426,304,105	(115,592,083)

26. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Thu nhập từ bán phế liệu, công cụ dụng cụ	8,331,818	4,545,455
Cho thuê mặt bằng	-	-
Thu nhập khác	67,951,401	6,190,627
Cộng	76,283,219	10,736,082

27. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	114,024,780	-
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	21,704,528	54,282,672
Các khoản khác	48,462,567	11,200
Cộng	184,191,875	54,293,872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí Thuế TNDN và lợi nhuận trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,970,892,318	3,450,624,406
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	(177,441,402)	(110,015,292)
- Các khoản điều chỉnh tăng	163,994,907	93,464,708
+ Lợi thế thương mại phân bổ	65,936,680	39,182,036
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	-	54,282,672
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	96,000,000	-
+ Các khoản khác	29,034,665	-
+ Lỗ tại công ty con	(26,976,438)	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	341,436,309	203,480,000
+ Cổ tức được chia	341,436,309	203,480,000
+ Lãi tại Công ty con	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2,793,450,916	3,340,609,114
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	439,982,808	591,955,599
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	439,982,808	544,685,503

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,990,959,518	2,355,505,209
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(1,436,900)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	1,436,900	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	1,989,522,618	2,355,505,209
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4,031,401	4,018,708
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	494	586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
CN NXBGD tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán Tuổi Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất Bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất Bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất Bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất Bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ Thuật Và Truyền Thông	Chung công ty đầu tư
CN Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dịch Vụ Từ Điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Bán hàng		
CN Tại TPHCM CTY CP Sách Đại học Dạy Nghề	Cung ứng sách tham khảo	4,664,800
CTY CP Sách Đại học Dạy Nghề	Cung ứng sách tham khảo	
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo	4,374,626,593
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	
CTY CP DV Xuất Bản GD Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	165,840,000
CTY CP DV Xuất bản GD Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	
CTY CP Học Liệu	Cung ứng sách tham khảo	20,846,980
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP.Cần Thơ	Cung ứng sách tham khảo	7,687,425
CTY TNHH MTV Nhà Xuất Bản GD Việt Nam	Cung ứng sách tham khảo	
CTY CP Sách & TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách tham khảo	
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	Cung ứng sách tham khảo	147,464,440
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Cung ứng sách tham khảo	65,095,662
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	Cung ứng sách tham khảo	9,815,000
CTY CP Sách Giáo Dục tại TP.Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	866,175,980
CTY CP Sách Dịch và Từ Điển Giáo Dục	Cung ứng sách tham khảo	
CTY CP Sách Giáo Dục tại TP.Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	1,628,859,590
Mua hàng		
CTY CP Bán Đồ & Tranh ảnh GD	Nhập sách tham thảo	988,783,680
Tạp Chí Toán Học và Tuổi Trẻ	Nhập sách tham thảo	3,767,400
Tạp Chí Toán Tuổi Thơ	Nhập sách tham thảo	-
Tạp Chí Văn Học và Tuổi Trẻ	Nhập sách tham thảo	-
CTY CP Sách Dân Tộc	Nhập sách tham thảo	489,142,000
CTY CP Sách Đại học Dạy Nghề	Nhập sách tham thảo	33,716,540
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Nhập sách tham thảo	68,311,200
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Nhập sách tham thảo	348,467,088
CTY CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Nhập sách tham thảo	438,410,215
CTY CP Đầu tư và Xuất Bản Giáo Dục	Nhập sách tham thảo	-
CTY CP Dịch Vụ Xuất Bản GD Gia Định	Nhập sách tham thảo	65,163,320
CTY CP Dịch Vụ Xuất Bản GD Hà Nội	Tiền bản thảo	714,347,260
CTY CP Học Liệu	Nhập sách tham thảo	-
CTY CP Mĩ Thuật Và Truyền Thông	Nhập sách tham thảo	70,067,740
CN Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP.Cần Thơ	Nhập sách tham thảo	-
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP.HCM	Tiền vật tư, giấy, phí QLXB	110,559,187
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Đà Nẵng	Nhập sách tham thảo	-
CTY TNHH MTV Nhà Xuất Bản GD Việt Nam	Tiền vật tư, giấy	-
CTY CP Sách & TBGD Miền Bắc	Nhập sách tham thảo	340,604,320
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	Nhập sách tham thảo, giáo khoa	496,549,500
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Nhập sách tham thảo, giáo khoa	191,402,609
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	Nhập sách tham thảo	-
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham thảo	1,528,316,400
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Nhập sách tham thảo	6,784,026,540
CTY CP Sách dịch & Từ điển GD	Nhập sách tham thảo	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Kết thúc niên độ, các khoản phải thu, phải trả như sau

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu VND	Phải trả VND
CTY TNHH MTV Nhà Xuất Bản GD Việt Nam	Phải thu khách hàng		
NXBGD tại TPHCM	Phải trả người bán		813,573,587
CTY CP SGD tại TP. Hà Nội	Phải thu khách hàng		6,006,000
CTY CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Phải trả người bán		550,611,631
CTY CP Sách ĐH dạy nghề	Phải trả người bán	5,624,800	254,313,790
CTY CP Học liệu (EMCO)	Phải thu khách hàng	70,076,956	5,634,500
CTY CP Sách Dân Tộc	Phải trả người bán		573,136,453
CTY CP ĐT & PT GD Phương Nam	Phải thu khách hàng	1,443,689,714	(3,254,188,246)
CTY CP ĐT & PT GD Đà Nẵng	Phải trả người bán		180,428,672
CTY CP ĐT & PT GD Hà Nội	Phải trả người bán		749,543,055
CTY CP Mỹ Thuật & Truyền Thông	Phải trả người bán		92,028,907
CTY CP Sách dịch & Từ điển GD	Phải thu khách hàng		41,765,369
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Gia Định	Phải trả người bán		318,596,516
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Phải trả người bán	165,840,000	-
CTY CP DV xuất bản Giáo dục Hà Nội	Phải trả người bán		799,743,119
CTY CP Bàn Đồ & Tranh ảnh GD	Phải trả người bán		1,562,223,680
Tạp Chí Toán Học và Tuổi Trẻ	Phải trả người bán		28,332,650
Tạp Chí Văn Học và Tuổi Trẻ	Phải trả người bán		-
CTY CP Sách & TBGD Miền Trung	Phải thu khách hàng	9,815,000	-
CTY CP Sách & TBGD Cửu Long	Phải trả người bán		242,849,145
CTY CP Sách & TBGD Miền Bắc	Phải trả người bán		340,604,320
CTY CP Sách & TBGD Miền Nam	Phải trả người bán		274,234,504

31. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.



Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai